

# NGHỆ THUẬT CHÈO VÙNG VĂN HÓA CHÂU THỔ BẮC BỘ

NGUYỄN THỊ HOÀI ANH\*

**Tóm tắt:** Bắc Bộ là cái nôi hình thành dân tộc Việt Nam, đồng thời là nơi sản sinh và phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống đặc sắc như: hát ca trù, quan họ, tuồng, múa rối nước và chèo. Trong đó, chèo được xem là bộ môn sân khấu dân gian tiêu biểu, mang đậm bản sắc văn hóa người Việt và phát triển mạnh mẽ tại vùng châu thổ Bắc Bộ - nơi có đời sống làng xã ổn định, đậm tính cộng đồng và giàu truyền thống lễ hội. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành văn hóa học - sân khấu học - lịch sử để phân tích mối quan hệ giữa nghệ thuật chèo với môi trường văn hóa, xã hội nơi nó được hình thành, nuôi dưỡng và phát triển. Qua đó, bài viết làm rõ giá trị văn hóa, chức năng xã hội và vị thế hiện tại của chèo trong đời sống văn hóa đương đại của vùng đồng bằng Bắc Bộ.

**Từ khóa:** nghệ thuật chèo, vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ, sân khấu dân gian.

**Abstract:** The Northern Delta is considered the cradle of the Vietnamese nation and the birthplace of various traditional art forms such as “ca tru” singing, “quan ho” folk songs, “tuong” (classical drama), water puppetry, and especially “cheo” - a quintessential form of Vietnamese folk theatre. Among them, “cheo” stands out as a prominent performing art deeply rooted in the cultural identity of the Vietnamese people, particularly flourishing in the Northern Delta region, where stable village communities, rich festival traditions, and strong communal ties have long prevailed. This paper applies an interdisciplinary approach, combining cultural studies, theatre studies, and historical analysis, to examine the close relationship between “cheo” and the cultural environment in which it was born, sustained, and developed. The study highlights the cultural values, social functions, and contemporary role of “cheo” in the cultural life of today’s Northern Vietnamese countryside.

**Keywords:** “cheo” art, Northern Delta cultural region, folk theatre.

Nghệ thuật chèo có nguồn gốc từ những hình thức múa hát, dân ca dân gian được biểu diễn tại các làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ. Các tác phẩm chèo ban đầu xuất phát từ nhu cầu giải trí của quần chúng và dần được đón nhận trong các nghi lễ, lễ hội, từ đó phát triển thành một loại hình sân khấu truyền thống độc đáo. Nền tảng này gắn liền với nền văn minh lúa nước, đời sống nông nghiệp của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, tâm tư và niềm tin của người dân, tạo nên những giá trị văn hóa truyền thống sâu sắc, trong đó có nghệ thuật chèo.

## 1. Đặc điểm văn hóa vùng châu thổ Bắc Bộ

Vùng châu thổ Bắc Bộ bao gồm lưu vực các hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình, sông Mã, là nơi người Việt cổ định cư và hình thành nên nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Về mặt địa lý, tự nhiên, vùng văn hóa Bắc Bộ là một khu vực thuận lợi với đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa, hệ thống sông ngòi

dày đặc, đã góp phần hình thành nên các làng xã ven sông theo mô hình cư trú cộng đồng, làng xã khép kín. Chính hình thái xã hội “tự trị làng xã” ấy không những tạo điều kiện cho sự phát triển của các thiết chế văn hóa cơ sở, như: đình, đền, chùa và còn là sân khấu biểu diễn của các hình thức nghệ thuật dân gian, trong đó có chèo - bộ môn sân khấu dân tộc mang đặc trưng của vùng Bắc Bộ.

Sự phát triển liên tục của các nền văn hóa nối tiếp qua các thời kỳ lịch sử đã tạo ra một hệ thống giá trị văn hóa phi vật thể phong phú, với các loại hình nghệ thuật như hát ca trù, quan họ, tuồng, múa rối nước và đặc biệt là nghệ thuật chèo. Những loại hình này không chỉ đơn thuần là sản phẩm nghệ thuật mà còn là công cụ truyền đạt triết lý sống, đạo lý làm người, phản ánh tâm thức dân gian, ẩn chứa tinh thần nhân văn sâu sắc và mang đậm tính giáo dục, phê phán xã hội. Trong đó, nghệ thuật chèo nổi bật lên

như một biểu tượng của nghệ thuật biểu diễn sân khấu truyền thống vùng đồng bằng, hội tụ đầy đủ các yếu tố: ca, múa, nhạc, mỹ thuật... và được biểu diễn ngay trong không gian cộng đồng làng xã tại sân đình vào các dịp lễ hội.

Vùng đất này còn nổi bật bởi tính cộng đồng cao, tạo nên sự gắn bó chặt chẽ giữa con người với làng quê, thể hiện tinh thần tương thân tương ái, đạo lý sống, sự linh hoạt trong ứng xử và tinh thần hiếu hòa mà chúng ta thường thấy trong các vở chèo: *Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ, Trương Viên, Kim Nham*... Nghệ thuật chèo là kết tinh sống động của văn hóa Bắc Bộ, không chỉ tồn tại như một phương tiện giải trí dân gian, mà còn lưu giữ ký ức cộng đồng, phản ánh lịch sử, nhân sinh quan và thế giới quan của cư dân vùng châu thổ. Trong suốt quá trình phát triển, nghệ thuật chèo luôn gắn bó mật thiết với các thiết chế truyền thống như đình làng, gắn liền với đời sống nông nghiệp, lễ hội và trở thành một phần không thể thiếu trong căn cốt văn hóa Việt.

## 2. Vùng châu thổ Bắc Bộ - nơi sinh trưởng và nuôi dưỡng nghệ thuật chèo

“Chèo lấy kho tàng văn nghệ dân gian của lưu vực sông Hồng làm chất liệu, làm xương thịt mà tạo thành” (1). Những yếu tố tiền thân ấy, qua thời gian, đã tích tụ và phát triển thành một hình thức sân khấu dân gian mang đậm bản sắc văn hóa Việt. Điều này được GS Hà Văn Cầu nhấn mạnh: “Chèo là một hình thức nghệ thuật dân gian do những nông dân sáng tạo ra để tự thực hiện mình và trở lại phục vụ cho giai cấp mình” (2). Vì vậy, nghệ thuật chèo không chỉ là sản phẩm của nền văn hóa dân gian mà còn là sự thể hiện sinh động nhu cầu tinh thần, đời sống nội tâm và khát vọng công lý, đạo lý trong xã hội nông nghiệp cổ truyền.

Sự phát triển của chèo gắn liền với cấu trúc xã hội và văn hóa làng xã Bắc Bộ, nơi có thiết chế đình làng, hệ thống tín ngưỡng dân gian và sinh hoạt lễ hội phong phú: “Chèo ra đời từ nền văn minh sông Hồng. Chèo không ngừng được các thế hệ nông dân nối tiếp nhau hoàn thiện làm vui cho chính cuộc sống cộng đồng, chòm trại làng xã mình trong chu trình canh tác khép kín, tự sản tự tiêu kéo dài hàng nghìn năm” (3). Một vở chèo truyền thống thường được sáng tác dựa vào một tích truyện cổ tích, thần thoại, truyện Nôm hay truyện lịch sử. “Người trưởng trò bàn bạc với các diễn viên để sắp xếp lớp lang của vở diễn, dựng lên cái cốt của vở” (4). Có thể thấy tính tập thể trong sáng tạo nghệ thuật chèo, cũng như sự gắn bó mật thiết giữa nghệ thuật và cộng đồng. Từ môi trường văn hóa làng xã, các chiếng chèo nổi bật

đã hình thành, tạo nên mạng lưới lưu diễn và giao lưu nghệ thuật trong vùng: chiếng chèo Đông, chiếng chèo Đoài, chiếng chèo Nam, chiếng chèo Bắc... Những chiếng chèo này không chỉ là trung tâm biểu diễn dân gian mà còn là cái nôi đào tạo, bảo tồn và phát triển nghệ thuật chèo, đồng thời là cơ sở để hình thành các đoàn chèo chuyên nghiệp về sau.

Trong suốt chiều dài lịch sử, truyền thuyết và tín ngưỡng dân gian còn ghi nhận vai trò của bà Phạm Thị Trân - người phụ nữ được coi là thủy tổ của nghệ thuật chèo. Dù các sử liệu chính thống về bà còn hạn chế, nhưng việc nhân dân tôn vinh bà là: “Huyền Nữ”, “Tổ nghề chèo”, chính là sự xác nhận ký ức cộng đồng về vai trò khai sinh của bà đối với loại hình sân khấu dân tộc này.

Dưới thời phong kiến, ở khu vực Hà Tây (nay thuộc Hà Nội) và Hưng Yên, nghệ thuật chèo đã sớm hình thành, phát triển và lan tỏa trong cộng đồng dân cư nông thôn, tạo nên những câu lạc bộ chèo mang tính làng xã, tập hợp các gánh hát dân gian có tổ chức và hoạt động tương đối ổn định. Dù khái niệm “câu lạc bộ” là cách gọi hiện đại, nhưng thực chất, thời phong kiến đã có những hình thức sinh hoạt thường được gọi là phường chèo, phường hát, gánh hát gắn chặt với thiết chế làng xã và các dịp lễ hội, đình đám. Các chiếng chèo và đặc biệt là các làng chèo nổi tiếng đã nuôi dưỡng, duy trì và phát triển loại hình nghệ thuật này trong suốt chiều dài lịch sử. Tiêu biểu cho không gian văn hóa nghệ thuật đó là chèo làng Khuốc (xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên hiện nay) đã trở thành biểu tượng tiêu biểu của chèo dân gian vùng chiếng Nam.

Chèo làng Khuốc là một hiện tượng đặc sắc trong không gian văn hóa nghệ thuật dân gian vùng châu thổ Bắc Bộ. Đây không chỉ là một làng nghề truyền thống về chèo mà còn là minh chứng sống động cho quá trình kết tinh, bảo lưu và lan tỏa giá trị nghệ thuật dân gian trong lòng đời sống làng xã Bắc Bộ suốt hơn hai thế kỷ. Theo tư liệu dân gian và các nghiên cứu của Lê Việt Hùng, Nguyễn Hồng: “Hiện nay Chèo làng Khuốc đã truyền lại khoảng 10 thế hệ có hàng chục gánh hát, các gánh hát này đều có trang bị đầy đủ đạo cụ phục trang, dàn tiết mục cũng rất phong phú và đã đi lưu diễn ở khắp nơi được khán giả khen ngợi và đồng nghiệp kính nể...” (5). Như vậy, làng Khuốc có truyền thống hát chèo lâu đời, được xây dựng bài bản với hệ thống diễn viên, đạo cụ, phục trang và các tiết mục đa dạng. Sau này có nhiều những diễn viên nổi tiếng và đào tạo nhiều thế hệ nghệ nhân tiếp nối và các tiết mục của chèo làng Khuốc với những vở diễn nổi bật như *Lưu Bình -*

### **Dương Lễ, Trương Viên, Quan Âm Thị Kính, Chu Mãi Thần...**

Ở Hưng Yên có các làng chèo Thiết Trụ, Xuân Trúc hoạt động khá mạnh và nhiều lần giành giải cao trong các liên hoan chèo không chuyên toàn quốc. Không chỉ phục vụ biểu diễn trong lễ hội làng, gánh chèo Thiết Trụ còn thường xuyên đi giao lưu, biểu diễn khắp các huyện, tỉnh lân cận, góp phần nối dài nhịp sống của nghệ thuật chèo trong không gian văn hóa Bắc Bộ đương đại.

Phường chèo làng Thổ Hà ((Phường Chèo làng Thổ Hà (xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cũ, nay là xã Vân Hà tỉnh Bắc Ninh) nổi tiếng là một trung tâm hát chèo dân gian truyền thống thuộc chiếng Đoàn. Các phường hát nơi đây thường hoạt động theo chu kỳ mùa vụ: sau khi nông nhàn, dân làng tổ chức luyện tập và biểu diễn chèo tại sân đình hoặc trong các dịp tế lễ. Gánh chèo Thổ Hà thường biểu diễn các vở truyền thống như **Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ, Trương Viên** sử dụng lối hát đậm chất Đoàn - mộc mạc, sâu lắng diễn tả nội tâm nhân vật.

Làng Yên Duyên từng nổi danh với phường chèo dân gian có lịch sử hàng trăm năm, gánh thường biểu diễn vào các kỳ lễ hội đầu năm, nhất là trong lễ hội đình làng - nơi tái hiện cảnh sinh hoạt nghệ thuật truyền thống của cư dân nông nghiệp vùng châu thổ.

Làng Hạ Thái (nay thuộc xã Phù Nam, Hà Nội) từng có gánh chèo hoạt động sôi nổi dưới thời Nguyễn. Ngoài biểu diễn phục vụ lễ hội, phường chèo Hạ Thái còn lưu truyền nhiều làn điệu cổ, gắn với nghi lễ dân gian và diễn xướng tín ngưỡng thờ thành hoàng làng. Sự tham gia của nhiều thế hệ nghệ nhân và nghệ sĩ dân gian là minh chứng cho đời sống nghệ thuật phong phú tại vùng này.

Điểm qua một số làng chèo nổi tiếng trên có thể thấy, điều đặc biệt của các làng chèo truyền thống chính là các phường hát thường do dân làng lập ra, có thể do một dòng họ, hoặc một nhóm nghệ nhân có tài quy tụ thành phường mang tính cộng đồng cao, sự tham gia tự nguyện, đam mê và đầy tâm huyết của người. Sân đình hoặc chùa là nơi chính để tổ chức biểu diễn trong các dịp tế thần, lễ hội làng hoặc đón quan về làng. Mỗi phường thường có “trùm phường” làm người điều hành, lo đạo cụ, tập luyện và tổ chức lịch diễn. Nghệ thuật chèo được truyền dạy theo kiểu truyền nghề gia đình hoặc “truyền khẩu - truyền thân” từ các nghệ nhân cao tuổi cho thế hệ trẻ. Về biểu diễn chủ yếu tập trung vào kỹ thuật hát, lời nói vần điệu và các làn điệu truyền thống như lối nói lối, hát vìa, hát sử, hát nói... đi kèm với phong cách diễn mộc mạc, biểu cảm rõ nét, phù hợp với khán giả nông thôn. Các

“câu lạc bộ chèo làng” như ở chèo làng Khuốc, Hà Xá, Thiết Trụ, Hạ Thái, Thổ Hà, Yên Duyên... thường được vận hành theo mô hình bán chuyên nghiệp hoặc tự phát, nhưng nhờ sự yêu mến và truyền thụ qua nhiều thế hệ, các câu lạc bộ ấy vẫn giữ được nguyên vẹn tinh thần dân gian, tính chất địa phương và sức hút nghệ thuật đậm đà bản sắc.

Văn hóa Bắc Bộ, với thiết chế xã hội làng xã, tinh thần cộng đồng và tính kế truyền, đã trở thành môi trường lý tưởng cho nghệ thuật chèo tồn tại và phát triển một cách bền vững. Chính từ những “hạt nhân” như các làng chèo tiêu biểu, nghệ thuật chèo không những không mai một mà còn đang dần được phục hưng trong đời sống hiện đại - thông qua các chương trình gìn giữ di sản, xây dựng mô hình “mỗi làng một đội chèo”, tổ chức liên hoan chèo giữa các làng xã và đưa nghệ thuật này vào giảng dạy trong các trường nghệ thuật dân gian và văn hóa cộng đồng.

Từ những yếu tố nói trên, có thể khẳng định rằng, vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ không chỉ là nơi sinh thành mà còn là môi trường nuôi dưỡng, phát triển, truyền nối và làm phong phú không ngừng nghệ thuật chèo. Tính chất nông nghiệp, làng xã, sinh hoạt lễ hội và kho tàng văn học dân gian phong phú của vùng đất này chính là nền tảng sâu xa tạo nên một loại hình sân khấu dân tộc độc đáo, vừa dân dã, gần gũi, vừa phản ánh sâu sắc thế giới tinh thần của người Việt từ bao đời nay.

### **3. Nghệ thuật chèo trong đời sống văn hóa Bắc Bộ hiện nay**

Trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và sự xuất hiện của nhiều loại hình giải trí khác nhau, nghệ thuật sân khấu truyền thống phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức. Nghệ thuật chèo tuy gặp không ít khó khăn, nhưng vẫn giữ được vị trí nhất định trong đời sống văn hóa của người dân Bắc Bộ. Hiện nay, hầu hết các đơn vị nghệ thuật chèo đã sáp nhập với các bộ môn nghệ thuật khác trở thành trung tâm văn hóa hoặc là Nhà hát Nghệ thuật truyền thống, nhưng vẫn duy trì hoạt động biểu diễn chèo thường xuyên. Song song với việc sáng tác, dàn dựng vở mới có đề tài hiện đại để thu hút công chúng trẻ, một số đơn vị chú trọng phục dựng chèo sân đình, tái hiện không gian cổ truyền và âm nhạc dân gian. Tuy nhiên, khó khăn chung của các đơn vị biểu diễn chuyên nghiệp này là lượng khán giả giảm, đặc biệt ở đô thị do áp lực của các loại hình giải trí hiện đại, nghệ thuật chèo gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, hầu hết các đơn vị nghệ thuật chèo hiện nay đều thiếu đội ngũ trẻ kế cận. Tại Hà Nội, Nhà

hát Nghệ thuật truyền thống quốc gia Việt Nam và Nhà hát Chèo Hà Nội mặc dù vẫn đang nỗ lực bảo tồn và phát huy nghệ thuật chèo, hoạt động biểu diễn thường xuyên tại các rạp hát Kim Mã và Nguyễn Đình Chiểu để phục vụ du khách trong, ngoài nước với các tiết mục tiêu biểu: *Quan âm Thị Kính, Trinh Nguyễn, Kim Nham...* và dàn dựng các vở chèo mới, nhưng vẫn còn đang đối diện với nhiều khó khăn.

Vài năm trở lại đây, các đơn vị nghệ thuật biểu diễn ở Ninh Bình, Bắc Giang, Hưng Yên... vẫn duy trì hoạt động biểu diễn chèo trong dịp lễ hội, hoạt động phục vụ du lịch, đặc biệt là vào mùa xuân và những dịp tưởng nhớ tổ nghề. Tại Liên hoan sân khấu chèo chuyên nghiệp tại Bắc Giang (2019), hầu hết các đơn vị nghệ thuật chèo đều tham gia như: Nhà hát Chèo Việt Nam (*Rồng phượng, Vân đại*), Đoàn Chèo Hải Phòng (*Hào khí Bạch Đằng*), Nhà hát Chèo Hải Dương (*Chuyện tình Hàn Sĩ - Đào Nương, Tiếng hát Trương Chi*), Nhà hát Chèo Hà Nội (*Điều còn lại, Kiều Loan*)... Hay tại Liên hoan Chèo chuyên nghiệp toàn quốc tổ chức tại Hà Nam năm 2022, nhiều vở diễn về đề tài chiến tranh, hiện đại cũng được các ê-kíp sáng tạo đưa đi liên hoan và nhận được sự đánh giá cao của ban giám khảo, các đồng nghiệp, khán giả, như *Đất liền và biển cả* (Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống tỉnh Thanh Hóa - Giải xuất sắc), *Linh từ Quốc mẫu* (Nhà hát Chèo Hà Nội - Huy chương Vàng), *Vang bóng một thời* (Dựa theo tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Nguyễn Tuân, Đoàn Chèo Hải Phòng - Huy chương Vàng)...

Tuy nhiên, thông qua các liên hoan sân khấu chèo toàn quốc cho thấy, chèo hiện nay đang gặp khó khăn trong vấn đề về tác giả viết cho chèo. Mặc dù đã xuất hiện một số tác giả trẻ, nhưng kịch bản còn yếu, có những vở viết về nhân vật, sự kiện lịch sử không đúng với sự thực lịch sử. Nhiều vở chuyên thể chèo chưa đạt, giống như kịch cắm ca, không ra chất chèo. Tuy nhiên, bên cạnh các kịch bản mới, sáng tạo cũng có không ít kịch bản cũ, đã dựng và diễn ở các liên hoan sân khấu kịch, cải lương, thậm chí có những vở diễn đã dựng cách đây nhiều năm nay dựng lại. Chất lượng kịch không đồng đều, nhiều vở diễn như kịch phong trào, kết cấu lỏng lẻo, thiếu logic.

Bên cạnh các đơn vị nghệ thuật chèo chuyên nghiệp, hàng trăm câu lạc bộ chèo làng xã đang hoạt động trải rộng ở các tỉnh Bắc Bộ: chèo làng Khuốc, Hà Xá, Thiết Trụ, Thổ Hà, Yên Duyên, Hạ Thái... Mỗi câu lạc bộ có từ 10-20 thành viên, có nơi hoạt động liên tục hàng thế kỷ qua theo hình thức truyền nghề trong cộng đồng. Nhiều địa phương đã tổ chức

các liên hoan, hội diễn chèo không chuyên. Nhiều chương trình kết hợp biểu diễn, du lịch, văn hóa, như biểu diễn chèo cho du khách quốc tế tại Hà Nội, Tam Cốc (Ninh Bình), Cổ Loa (Đông Anh)... Một số đơn vị thử nghiệm số hóa chèo: quay video, livestream, chuyên thể chèo sang hoạt hình, sân khấu học đường... Tuy nhiên, sự thay đổi về thị hiếu khán giả, áp lực của các loại hình giải trí hiện đại, cùng với việc thiếu hụt lớp nghệ sĩ kế cận đang đặt ra thách thức không nhỏ đối với nghệ thuật chèo. Một số hình thức cách tân, hiện đại hóa chèo đã được thử nghiệm nhằm đưa chèo đến gần hơn với giới trẻ, song vẫn cần sự đầu tư bài bản và định hướng rõ ràng để tránh làm mai một bản sắc nghệ thuật truyền thống.

#### 4. Kết luận

Nghệ thuật chèo không chỉ là một loại hình sân khấu dân gian, mà còn là kết tinh văn hóa, tâm hồn và trí tuệ của cư dân châu thổ Bắc Bộ. Hiện nay, các đơn vị chèo vừa nỗ lực bảo tồn, vừa đối mặt với nhiều thách thức về khán giả, cơ chế hoạt động và sự tiếp nối thế hệ. Tuy nhiên, sức sống của chèo vẫn hiện diện mạnh mẽ qua cả hình thức chuyên nghiệp và không chuyên. Đây là một minh chứng cho tiềm lực văn hóa đặc sắc của sân khấu Bắc Bộ, sân khấu Việt Nam cần được bảo vệ bằng cả chiến lược văn hóa, chính sách hỗ trợ và lòng yêu nghề từ chính cộng đồng. Để chèo tiếp tục sống động trong dòng chảy văn hóa dân tộc, cần có sự chung tay của các nhà quản lý, nghệ sĩ, nhà nghiên cứu và cộng đồng trong việc vừa giữ gìn truyền thống, vừa chủ động thích nghi với thời đại ■

N.T.H.A

1. Trần Bằng, *Chèo - một hiện tượng sân khấu dân tộc*, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 1994, tr.25.

2. Hà Văn Cầu, *Quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật Chèo*, Ban nghiên cứu Chèo, Viện Sân khấu - Điện ảnh, 1964, tr.21.

3. Lê Thanh Hiền, *Tổng luận nghệ thuật Chèo nửa sau thế kỷ XX*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1996, tr.12.

4. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, *Văn học dân gian Việt Nam*, tập 2, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1973, tr.399.

5. Lê Việt Hùng, Nguyễn Hồng, *Khảo sát Chèo làng Khuốc, Hà Xá, Sáo Đền*, Tư liệu lưu trữ nội bộ tại Thư viện Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, 2001, tr.8.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 15-7-2025; Ngày phân biên, đánh giá, sửa chữa: 28-7-2025; Ngày duyệt đăng: 30-8-2025.